

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 01 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Toàn.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Võ Thúy Nhị - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2018/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị M, sinh năm 1989 (Có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1993 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2018 cùng các văn bản khác và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trương Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2016, bà (Trương Thị M) và ông Nguyễn Văn U chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, được chứng nhận kết hôn vào ngày 31/8/2017. Quá trình chung sống thời gian

đầu vợ chồng rất hạnh phúc. Tuy nhiên sau một quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi. Ông Nguyễn Văn U không quan tâm đến vợ con từ đó dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc. Xét thấy cuộc sống hôn nhân đã xảy ra mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

Về con chung: Về con chung có 01 người tên là Nguyễn Quỳnh N (giới tính nữ), sinh ngày 23/02/2018 hiện đang do bà nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông Nguyễn Văn U cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 695.000 đồng/tháng, cấp hàng tháng. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/01/2019 và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn U trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian xác lập quan hệ vợ chồng và việc có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cũng như về mâu thuẫn giữa vợ chồng đúng như bà Trương Thị M trình bày. Nay bà M yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Đúng là có 01 người tên là Nguyễn Quỳnh N, hiện nay đang do bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông đồng ý giao con chung cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng, ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Chính quyền địa phương ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau xác định: Ông Nguyễn Văn U và bà Trương Thị M xác lập quan hệ vợ chồng về sinh sống tại ấp N, xã K đến khi phát sinh mâu thuẫn thì bà M về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Được biết giữa các bên phát sinh mâu thuẫn chủ yếu về kinh tế gia đình vì bà M cho rằng ông U không quan tâm và lo lắng cho vợ con. Tuy nhiên sự việc phát sinh các đương sự không trình báo chính quyền địa phương giải quyết hay hòa giải nên địa phương không tiến hành hòa giải nên không rõ tình trạng mâu thuẫn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, chấp hành pháp luật của của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Trương Thị M ly hôn với ông Nguyễn Văn U. Về con chung giao cho bà M nuôi dưỡng, buộc ông U cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về án phí buộc bà Trương Thị M phải chịu, về án phí cấp dưỡng nuôi con buộc ông U phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị M yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn U nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét về hôn nhân: Cả hai thống nhất xác định vào tháng 6/2016, hai người bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, được chứng nhận kết hôn vào ngày 31/8/2017. Hôn nhân phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên bà Trương Thị M và ông Nguyễn Văn U được công nhận là vợ chồng.

Xét về mâu thuẫn: Bà M cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Quá trình chung sống một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi do ông Nguyễn Văn U không quan tâm đến vợ con. Giữa bà và ông Nguyễn Văn U không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2018 cho đến nay. Xét thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn U. Ông U xác định về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng và việc có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cũng như về mâu thuẫn giữa vợ chồng đúng như bà Trương Thị M trình bày. Nay bà M yêu cầu ly hôn, ông đồng ý. Cả hai cùng xác định hôn nhân không mang lại hạnh phúc, bà M yêu cầu ly hôn, ông U đồng ý. Do đó, có cơ sở để chấp nhận cho bà Trương Thị M ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

[3]. Về con chung: Cả hai cùng thống nhất xác định có 01 người con chung là Nguyễn Quỳnh N (giới tính nữ), sinh ngày 23/02/2018 hiện đang do bà M nuôi dưỡng, bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Ông U không đồng ý cấp dưỡng. Xét thấy, cho đến ngày Tòa án xét xử con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng điều này phù hợp với khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên yêu cầu của bà M được chấp nhận.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Hiện tại bà M xác định bà còn phải nuôi con nhỏ, điều kiện lao động chưa đảm bảo nên bà yêu cầu ông U phải cấp dưỡng nuôi con, việc ông U không đồng ý cấp dưỡng nuôi con là chưa phù hợp. Do đó, buộc ông U phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 695.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xử lý là phù hợp.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Trương Thị M phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27; về án phí cấp dưỡng nuôi con ông Nguyễn Văn U phải chịu theo quy định điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trương Thị M ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự; Cụ thể như sau:

Bà Trương Thị M chịu trách nhiệm nuôi dưỡng Nguyễn Quỳnh N (giới tính nữ), sinh ngày 23/02/2018 cho đến khi Nguyễn Quỳnh N đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống.

Ông Nguyễn Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Văn U phải cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 695.000 đồng/tháng, việc cấp dưỡng thực hiện hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 31/01/2019.

Kể từ ngày bà Trương Thị M có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn U chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1 *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Trương Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Trương Thị M đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007410 ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

3.2 *Về án phí cấp dưỡng:* Ông Nguyễn Văn U phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân (khi án có hiệu lực);
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước